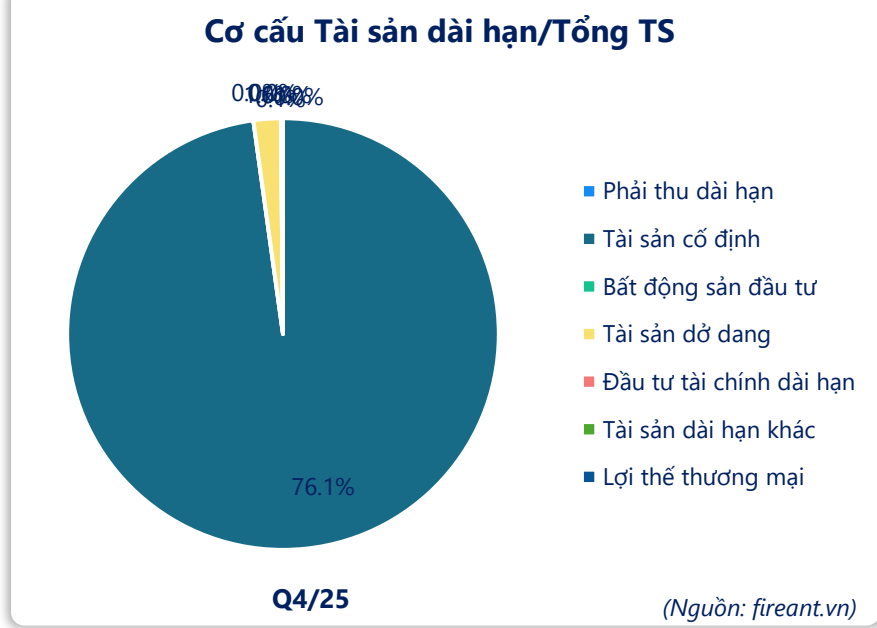
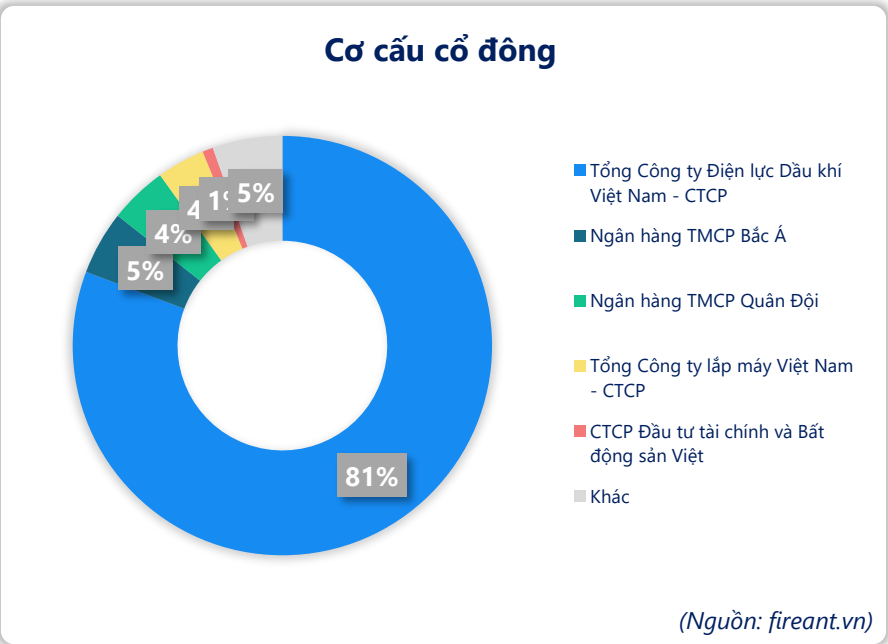
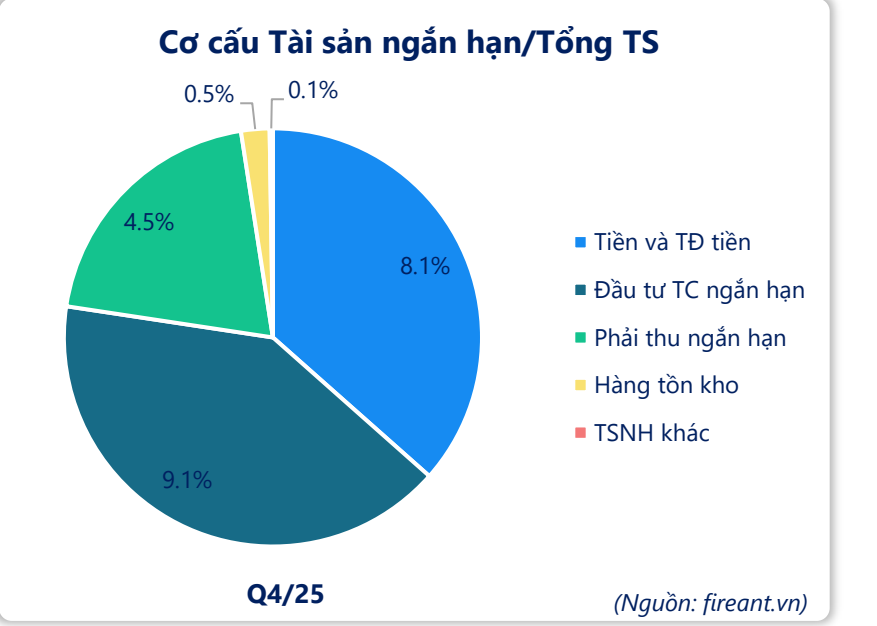
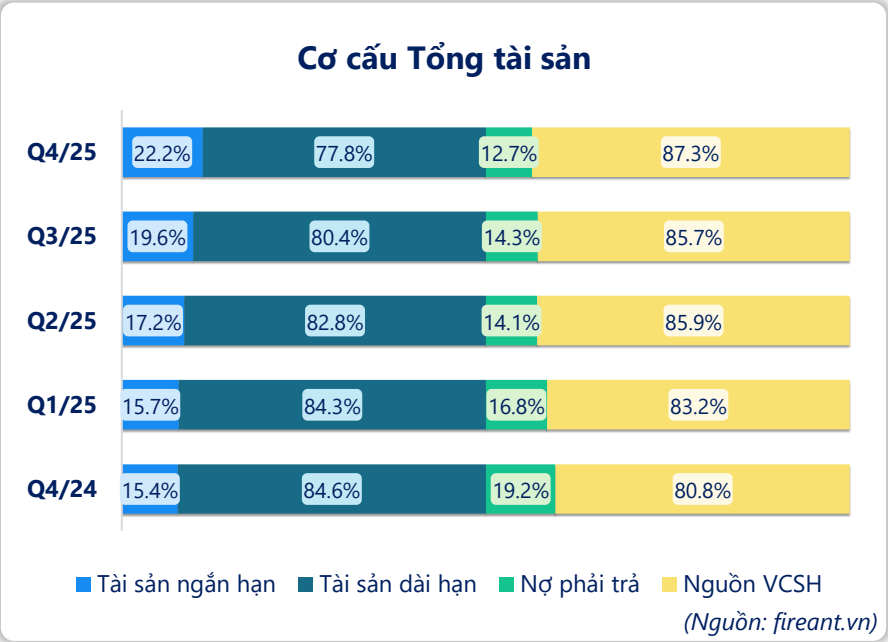
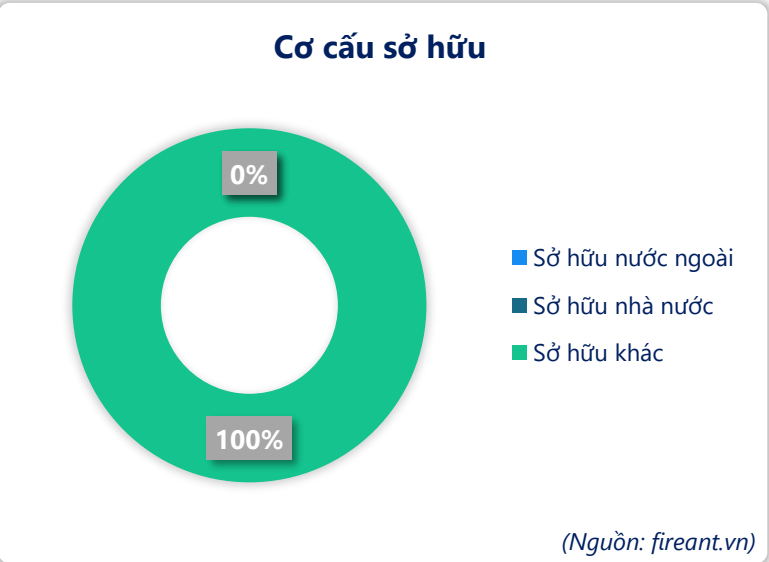
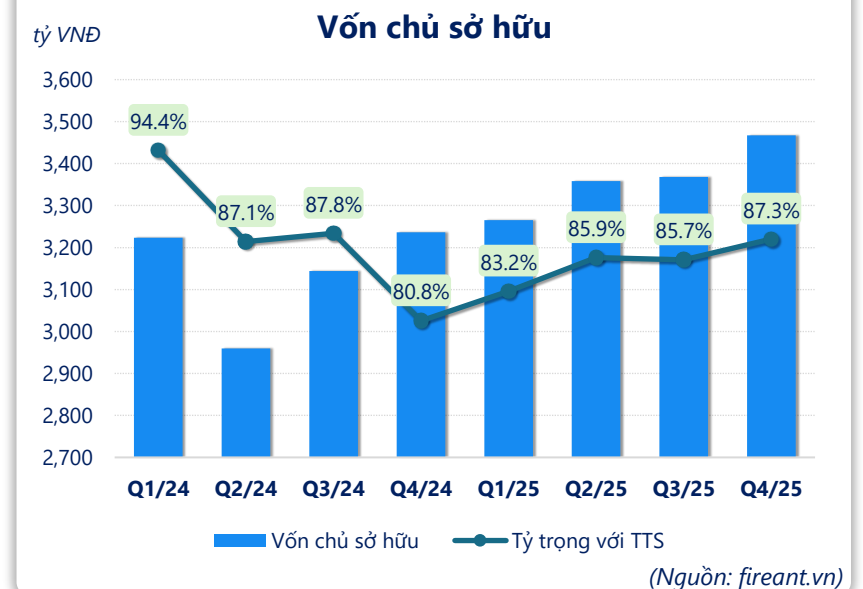
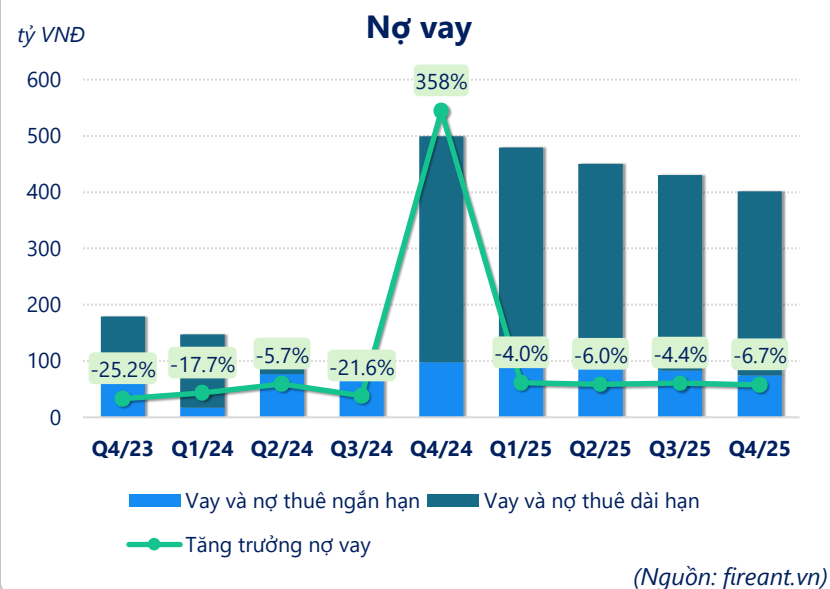
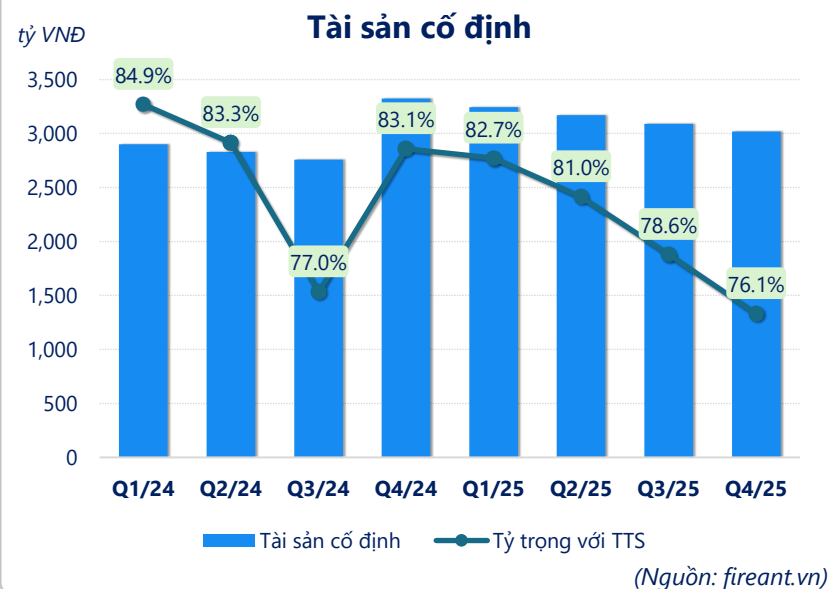
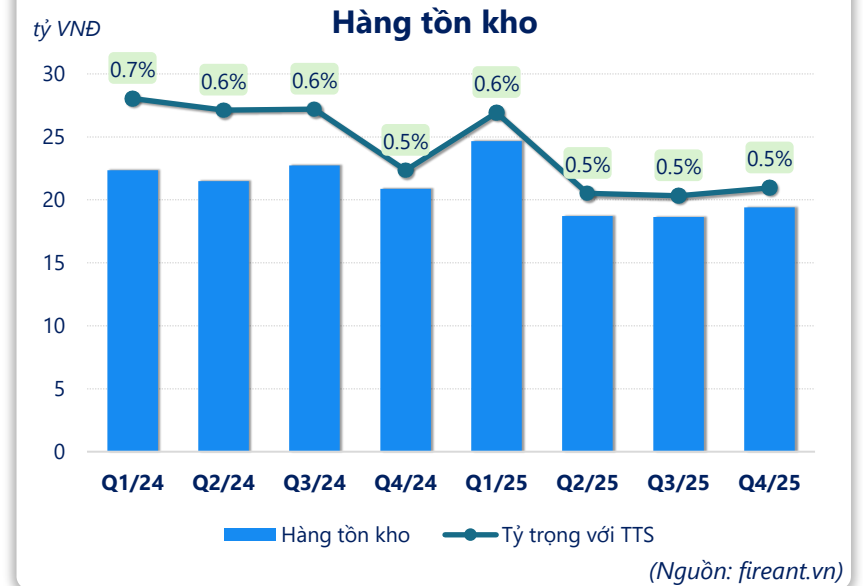
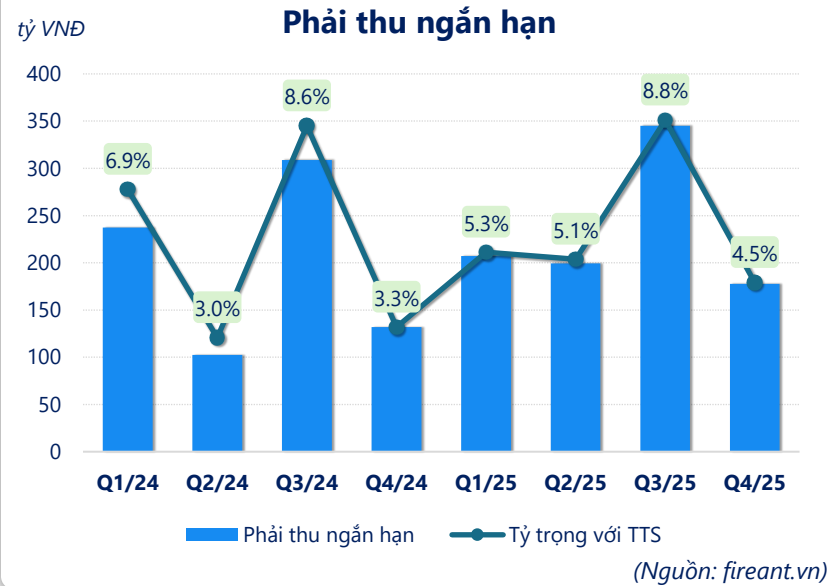
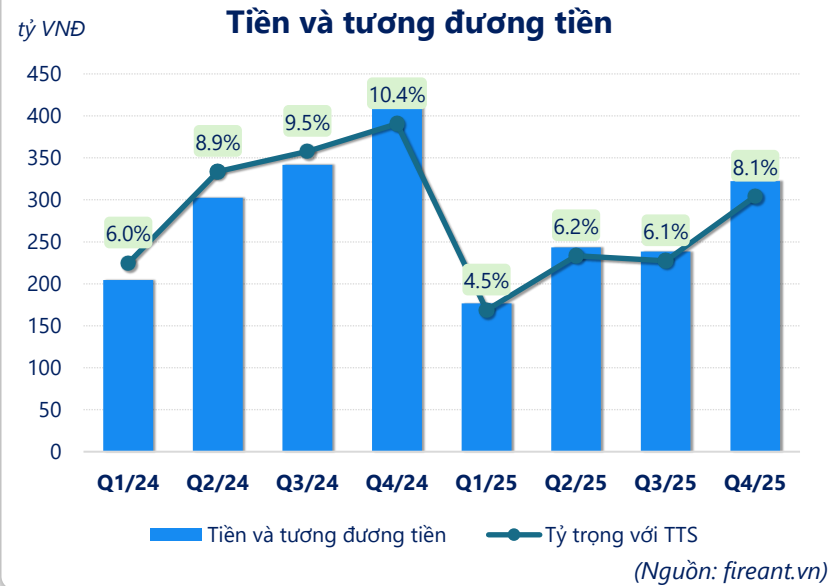
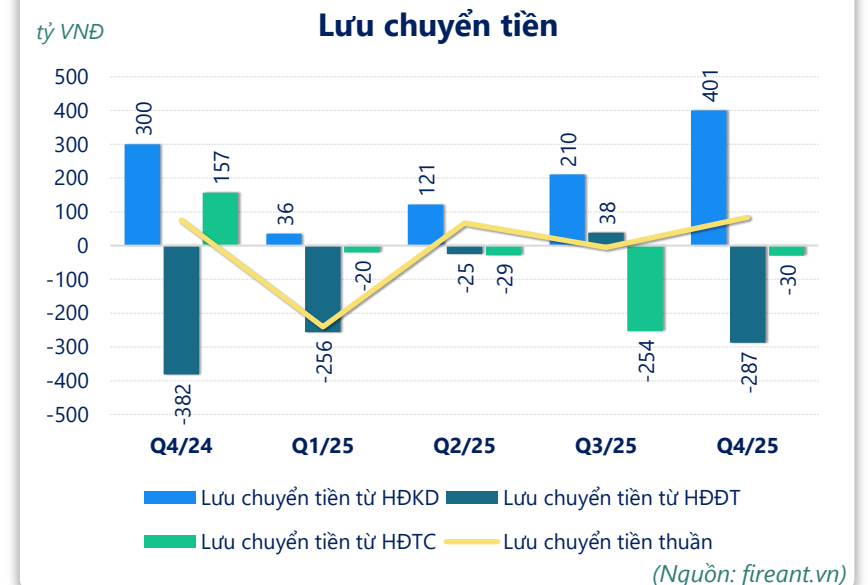
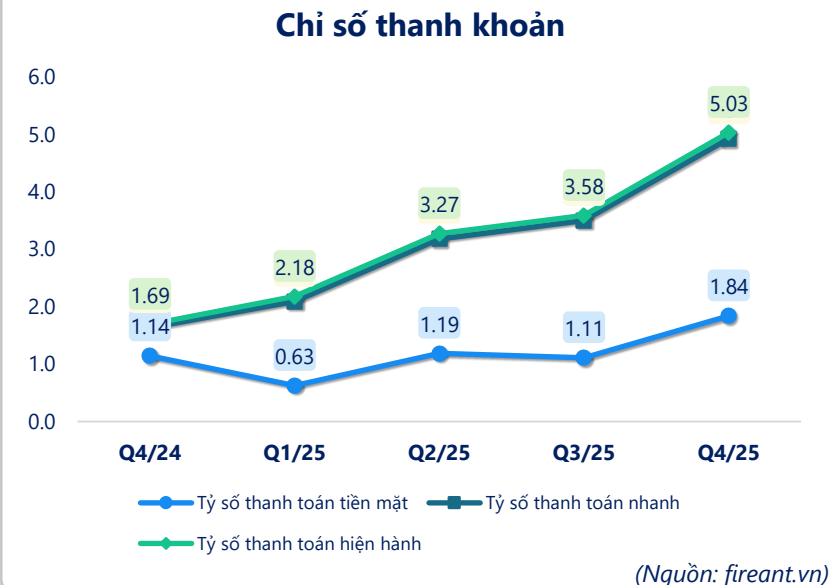
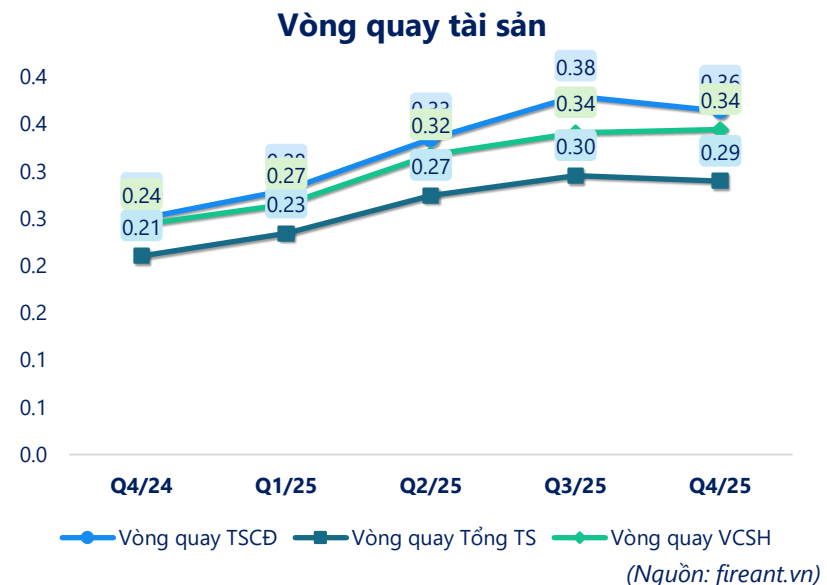
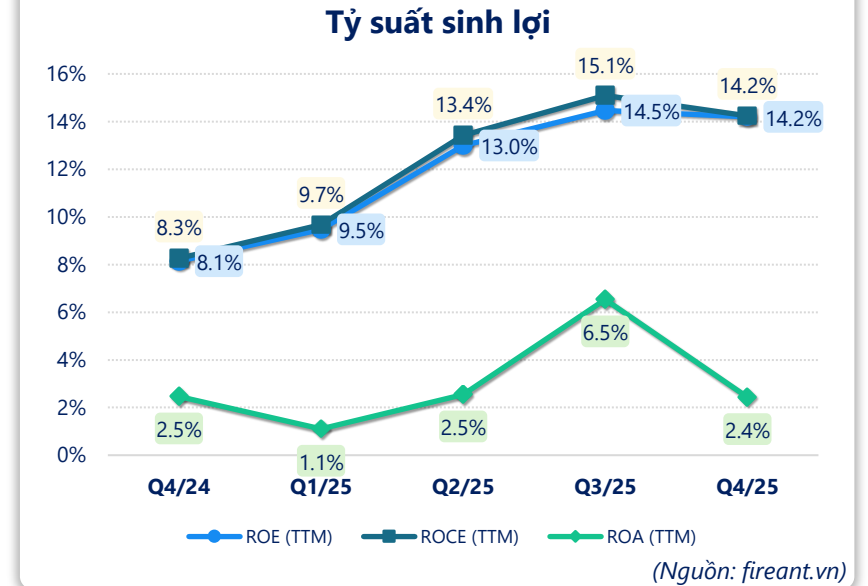
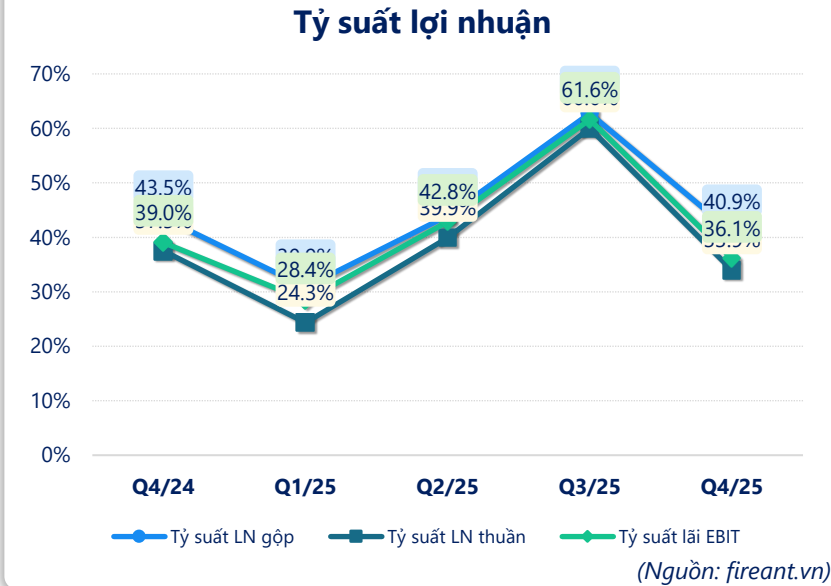
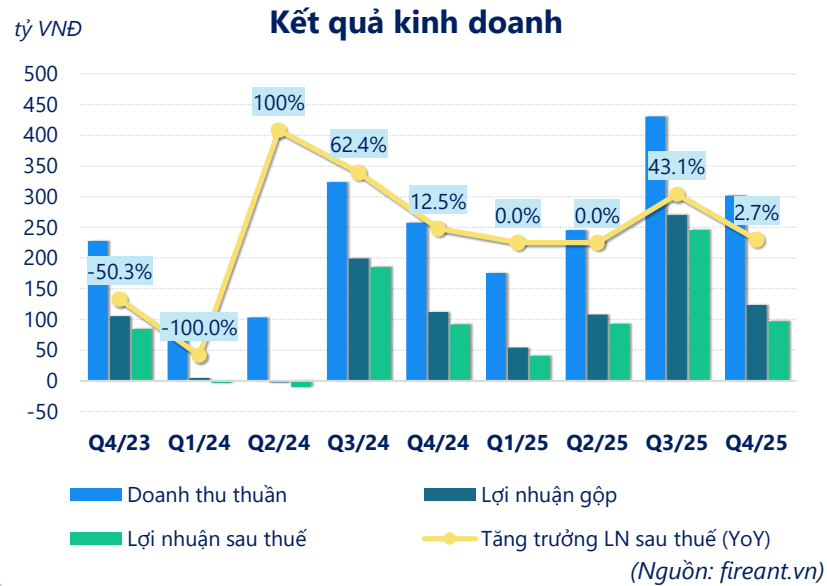


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		25,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,832
SL cổ phiếu LH		235,232,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,110
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,057
P/E		10.6
EPS		2,023

	YTD	1T	3T	6T
HNA	-10.4%	-1.8%	-8.3%	-9.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,970	4,010	-1.0%
Tài sản ngắn hạn	881	624	41.2%
Tiền và tương đương tiền	322	417	-22.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	360	0	
Phải thu ngắn hạn	178	132	34.7%
Hàng tồn kho	19.4	20.9	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	2.21	54.4	-95.9%
Tài sản dài hạn	3,088	3,386	-8.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	3,020	3,325	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	63.1	56.6	11.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.77	4.70	1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	503	767	-34.5%
Nợ ngắn hạn	175	365	-52.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.3	97.9	-24.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	17.0	198	-91.4%
Nợ dài hạn	327	402	-18.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	327	401	-18.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,467	3,243	6.9%
Vốn chủ sở hữu	3,467	3,243	6.9%
Vốn điều lệ	2,352	2,352	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	258	176	245	431	302
Giá vốn hàng bán	146	121	138	160	178
Lợi nhuận gộp	112	54.2	108	270	124
Doanh thu HĐTC	3.80	3.39	5.67	4.44	5.56
Chi phí TC	3.31	7.22	7.24	6.88	6.69
Chi phí lãi vay	3.33	7.21	7.23	6.87	6.67
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	16.0	7.63	8.38	9.33	20.0
LN thuần từ HĐKD	96.7	42.7	98.0	258	103
Lợi nhuận khác	0.56	0	-0.01	0	-0.24
LN trước thuế	97.3	42.7	97.9	258	102
Lợi nhuận sau thuế	92.1	40.5	93.0	245	97.0
LNST của CĐ cty mẹ	92.1	40.5	93.0	245	97.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	300	35.8	121	210	401
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-382	-256	-25.4	38.2	-287
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	157	-20.1	-29.0	-254	-29.6
Tiền đầu kỳ	342	417	176	243	238
Lưu chuyển tiền thuần	75.2	-240	66.9	-5.02	83.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0.08	0.06	-0.02	0.00	-0.05
Tiền cuối kỳ	417	176	243	238	322

(Nguồn: fireant.vn)